

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Bà Cù Thị Ngọc Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Trần Huy Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1986; Cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1984; Cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà và ông Lê Văn Đ do tự tìm hiểu, được gia đình đồng ý nên tiến đến hôn nhân, chung sống từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T (nay là phường L), thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên

cự cãi, gây nợ bắt bà đứng ra trả nhiều lần, ông Đ bỏ đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương không một lần điện thoại, hỏi thăm gia đình, chỉ lễ tết, đám tiệc về nhưng bỏ mặc vợ con không quan tâm. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không còn chung sống với nhau từ năm 2023 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu xin được ly hôn với ông Lê Văn Đ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Lan Linh Thư K, sinh ngày 08/7/2008, hiện đang sống cùng bà G, sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu K, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho ông Lê Văn Đ nhưng ông Đ vắng mặt, không có văn bản ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng bà G không đồng ý đoàn tụ chung sống.

Tại phiên tòa, bà G vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn ông Lê Văn Đ, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Văn Đ được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có đơn xin vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực đúng hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Ngọc G đối với ông Lê Văn Đ; bà G được quyền tiếp tục nuôi cháu Lê Lan Linh Thư K, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Bà Lê Thị Ngọc G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị Ngọc G khởi kiện xin được ly hôn với ông Lê Văn Đ có nơi cư trú tại ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông Lê Văn Đ được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân giữa bà Lê Thị Ngọc G và ông Lê Văn Đ do tự tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi. Ông Đ thiếu nợ buộc bà G đứng ra trả thay nhiều lần, mặc dù bà G nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông Đ không thay đổi nên cuộc sống hôn nhân từ đó mà không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau từ năm 2013 cho đến nay.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương, người thân xác định nguyên nhân mâu thuẫn đúng như lời bà Lê Thị Ngọc G trình bày.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng bà G, ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Lê Lan Linh Thư K, sinh ngày 08/7/2008. Nhận thấy, từ khi bà G, ông Đ không còn chung sống thì cháu K do bà G trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc, cho đi học, cuộc sống rất tốt. Cháu K có nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn nên chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của bà G. Công nhận sự tự nguyện của bà G không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc G được ly hôn ông Lê Văn Đ.
- Về con chung: Bà G được nuôi cháu Lê Lan Linh Thư K, sinh ngày 08/7/2008. Công nhận sự tự nguyện của bà G không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007758 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu (bà G đã nộp đủ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Ngọc G có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Tx.Tân Châu;
- Chi cục THADS Tx.Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã đăng ký kết hôn (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Minh Nhật